

BIỂU TƯỢNG TRONG THƠ CÔNG GIÁO VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

NGUYỄN THỊ KIM HỒNG*

Trong thơ Công giáo, biểu tượng thơ có ý nghĩa quan trọng để nhà thơ thể hiện đức tin cũng như thể hiện quan niệm, triết lý về con người và cuộc đời. Tìm hiểu biểu tượng thơ giúp chúng ta hiểu được cách tiếp cận đời sống của các nhà thơ, từ đó, nắm bắt được thế giới nghệ thuật cùng những phương thức biểu đạt của thơ Công giáo Việt Nam hiện đại. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu ý nghĩa của một số biểu tượng nổi bật của thơ Công giáo như biểu tượng máu, hồn, ánh sáng, biểu tượng cõi thiên đường, biểu tượng Chúa và Thánh giá. Qua đó, làm rõ hơn vẻ đẹp riêng, độc đáo của thơ Công giáo Việt Nam.

Từ khóa: biểu tượng, thơ Công giáo Việt Nam hiện đại

Nhận bài ngày: 8/1/2018; đưa vào biên tập: 20/1/2018; phản biện: 31/1/2018; duyệt đăng: 20/4/2018

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tôn giáo luôn là vấn đề bí ẩn và hết sức phức tạp. Tôn giáo vừa phản ánh sự bất lực của con người nguyên thủy trước các hiện tượng tự nhiên nhưng cũng là phương tiện để con người khả tri thế giới; tôn giáo ra đời từ tâm lý sợ hãi nhưng cũng là nơi nuôi dưỡng niềm tin tuyệt đối; vừa bí ẩn vừa hiện hữu; vừa là một hiện tượng xã hội, vừa có tính lịch sử... Chính sự phức tạp này đã tạo nên sức hấp dẫn của tôn giáo đối với nhiều lĩnh vực, trong đó có văn chương - nghệ thuật. Có thể thấy, thế mạnh của tôn giáo là đức tin tồn tại trong con người, và nhờ niềm tin vào thế giới siêu nhiên, huyền bí, tôn giáo có khả năng kích

hoạt, dẫn dắt trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo phong phú của con người. Khi tôn giáo bắt gặp thơ ca, trong sự cộng hưởng với những xúc cảm thơ, xúc cảm của cái tôi trữ tình có thể tạo nên sự sáng tạo đặc biệt, sự sáng tạo mang cảm quan tôn giáo. Tìm đến tôn giáo là một cách để nhà thơ suy tư, chiêm nghiệm về con người, giao cảm với cuộc đời, nhận ra tâm hồn mình rõ hơn, từ đó tạo nên những phương thức tổ chức nghệ thuật mới lạ trong thơ ca. Trong đời sống văn hóa, tôn giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu sắc, bởi thế, tôn giáo đi vào thơ ca cũng là một lẽ tự nhiên.

Khoảng từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX, Thiên Chúa giáo đến từ phương Tây đã từng bước chiếm lĩnh đời sống tâm linh sâu kín, trở thành chỗ

* Trường Đại học Tây Nguyên.

dựa tinh thần của một bộ phận người Việt, vì vậy nền văn hóa, văn học dân tộc bắt đầu tiếp thu tư tưởng Thiên Chúa giáo. So với Phật giáo và Nho giáo, dấu ấn Thiên Chúa giáo xuất hiện trong văn học Việt Nam khá muộn và mở đầu là những tác phẩm văn xuôi. Có tiếng vang nhất là tác phẩm *Truyện thầy Lazarô Phiền* của Nguyễn Trọng Quản, xuất bản năm 1887. Về phía thơ, có thể xem thơ Hàn Mặc Tử là đại diện tiêu biểu cho thơ Công giáo những năm đầu thế kỷ XX.

Trong nghiên cứu văn học, thuật ngữ “thơ văn Phật giáo”, “văn học Phật giáo” được sử dụng khá phổ biến còn những thuật ngữ “thơ Công Giáo”, “văn học Công Giáo” còn khá xa lạ với độc giả, tuy nhiên không phải là nó chưa được nghiên cứu, tìm hiểu. Cho đến nay đã có xuất hiện nhiều bài viết, công trình khoa học tìm hiểu thơ Công giáo từ nhiều góc độ với những khám phá mới mẻ của nhiều nhà nghiên cứu.

Trong cuốn *Lịch sử văn học Công giáo Việt Nam* (Võ Long Tê, 1965), cuốn sách được đánh giá là “tác phẩm duy nhất trong văn học đô thị miền Nam viết về lịch sử văn học Công giáo còn lại cho đến nay” (Trần Hoài Anh, 2009), Võ Long Tê cho rằng: “Riêng trong phạm vi văn học, đạo Công giáo đã đem lại những nguồn cảm hứng mới. Những công trình sáng tác biên khảo Công giáo đã làm cho văn học Công giáo phát sinh và trưởng thành theo một đường

hướng riêng biệt nhưng không phải là không có mối liên hệ hỗ tương với các thành phần khác của nền văn học Việt Nam” (Trần Hoài Anh, 2009).

2. BIỂU TƯỢNG TRONG THƠ CÔNG GIÁO

Trong tiếng Hán *biểu* có nghĩa là *bày ra, trình bày, dấu hiệu* để nhận biết một điều gì đó; *tượng* là *hình tượng*. Vì vậy, *biểu tượng* là một hình tượng nào đó được phô bày ra trở thành một dấu hiệu, ký hiệu tượng trưng nhằm để diễn đạt về một ý nghĩa mang tính trừu tượng. Từ góc độ nghiên cứu của mỹ học, lý luận văn học và ngôn ngữ học, *biểu tượng* có nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*, “trong nghĩa rộng *biểu tượng* là đặc trưng phản ánh cuộc sống bằng hình tượng của văn học nghệ thuật. Theo nghĩa hẹp, *biểu tượng* là một phương thức chuyển nghĩa của lời nói hoặc một loại hình tượng nghệ thuật đặc biệt có khả năng truyền cảm lớn, vừa khái quát được bản chất của một hình tượng nào đấy, vừa thể hiện một quan niệm, một tư tưởng hay một triết lý sâu xa về con người và cuộc đời” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, 2007: 24). Như vậy, có thể hiểu, *biểu tượng* trong thơ là những hình ảnh mang tính ngụ ý, mang tính quan niệm. Được xây dựng bằng ngôn từ và những thủ pháp đặc biệt, nó vượt qua những hình ảnh cụ thể, cảm tính bề mặt để trở thành những hình ảnh tượng trưng tích chứa quan niệm, tư tưởng sáng tạo của tác giả. Chính vì

thể, biểu tượng thường chứa đựng nhiều ý tứ kín đáo, thâm trầm, thậm chí bí hiểm. Xây dựng biểu tượng là cách người nghệ sĩ thể hiện được điều gì đó bên ngoài bản thân nó, lớn hơn ý nghĩa thông thường của nó, mang tính độc đáo và là dấu ấn của người sáng tạo. Một hình ảnh chỉ trở thành biểu tượng khi nó được lặp đi lặp lại một cách có hệ thống trong các sáng tác của các nhà thơ.

Biểu tượng nghệ thuật đậm màu sắc tôn giáo được thi nhân tạo nên nhằm gửi gắm thông điệp nghệ thuật. Để diễn tả nguồn cảm xúc mãnh liệt về đức tin, các nhà thơ Công giáo đã tìm cách tô đậm tính thiêng liêng, cao cả của các biểu tượng như *máu, hồn, ánh sáng, cõi thiên đường, Chúa, Thánh giá*,... Cảm nghiệm đức tin của mỗi cái tôi trong thơ đã biểu đạt một quan niệm riêng về con người và thế giới từ chiều sâu tâm linh, nó chi phối cách xây dựng thế giới nghệ thuật, trong đó có biểu tượng thơ.

2.1. Biểu tượng máu, hồn và trăng

Trước hết là biểu tượng *máu*. Trong *Kinh thánh*, chúng ta thấy có rất nhiều vị thánh đã đổ máu đào ra để làm chứng cho đức tin của mình. Lịch sử Công giáo ở Việt Nam cũng từng có các vị tiền nhân chấp nhận cái chết để làm chứng cho Chúa trước các chính sách cấm đạo nghiệt ngã. Theo Đặng Tiến, “Ta bắt gặp hình ảnh máu trong *Kinh thánh*: máu là nguyên lý của sự sống, nhưng khác với linh hồn. Máu là thành phần hư nát của cơ thể. Máu của chúng sinh không vào được

nước Đức Chúa Trời nhưng vẫn là một môi giới, một phương tiện, một ánh sáng, một thẩm mỹ” (Trăng Thập Tự, 2012a: 409). Nhiều nhà thơ Công giáo đề cập đến *máu* nhiều lần với ý nghĩa máu thể hiện tình yêu Chúa đã tuôn đổ xuống để cứu chuộc con người khỏi tội lỗi: *Chúa dạy tôi yêu: tình yêu tha thứ/ Tôi đụng chạm vào tình Chúa xót thương/ Chúa chỉ cho tôi máu, nước, cạnh sườn/ Để thanh tẩy sạch tội đời nhân thế* (Tình yêu tôi và con chim sẻ 1 - Cao Danh Viện). Hình ảnh *máu* còn là dấu chỉ của tình yêu Thiên Chúa, tình yêu mà Chúa dành cho con người: *Yêu thương là thế đó/ Mạo gai mãi hằn sâu/ Là máu đào loang lổ/ Là thập giá thương đau* (Yêu thương là thế đó - Phạm Thị Hồi). Tương tự, Nguyễn Ngọc Hạnh cũng ghi nhớ ơn hy sinh của Chúa để cho nhân loại được hạnh phúc: *Máu chảy tươi xanh tình nhân loại/ Trên thân thánh khiết tỏ hi sinh* (Mộ đá tình yêu). Trong thơ Vĩnh An, máu lại mang ý nghĩa đặc biệt, đó là hi lễ mà Chúa đã dùng để cứu rỗi con người và Chúa cũng thử thách con người có dám dâng lễ vật hi sinh để thể hiện tình yêu với Chúa: *Có cách nào con hiến máu cho ta/ Ta muốn đổ tận cùng dòng máu thắm/ Của hi tế trên đôi cao thiết lập/ Vì tình yêu xin lặp lại muôn lần/ Con sẽ thấy máu và nước chảy/ Nước tạo sinh từ thuở khởi nguyên/ Ta hiến cả đất trời làm của lễ/ Con thì sao có dám muốn thông phần/...* (Trên Thánh giá - Vĩnh An). Biểu tượng *máu* xuất hiện ám ảnh nhất trong thơ Hàn Mặc Tử. Những

câu chữ thấm máu vừa là nỗi đau, vừa là khao khát mãnh liệt được dâng hiến: *Ta sẽ học ra từng búng huyết/ Nhuộm đầy phong vị lúc mê ly* (Người ngọc) và *Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt/ Như mê man chết đuối cả làn da* (Rướm máu) và *Bởi vì mê mên, vì khoan khoái/ Anh cần lời thơ để máu trào* (Lưu luyến), hoặc *Máu đã khô rồi thơ cũng khô/ Tình ta chết yếu tự bao giờ* (Trút linh hồn). Hàn Mặc Tử quan niệm: thi sĩ muốn có những tác phẩm tuyệt đích thì Thượng đế bắt họ “phải mua bằng máu, luôn luôn có một định mệnh tàn khốc theo riết bên mình” (Nguyễn Toàn Thắng, 2007: 91). Như vậy, một ý nghĩa khác của biểu tượng *máu* đó chính là niềm đau phải trả giá cho thơ. Nói cách khác, *máu* với Hàn Mặc Tử còn là biểu tượng của sức sáng tạo, của khát vọng tận hiến đức tin.

Gắn liền với *máu* là biểu tượng *hồn*. *Hồn* cũng là một biểu tượng tôn giáo. Linh hồn được cho là “*thần khí Đức Chúa Trời ký thác vào thân con người chứ không hẳn của con người (...). Thần khí không lưu lại mãi trong loài người vì loài người chỉ có thân xác*” – Đặng Tiến (Trăng Thập Tự, 2012a: 346). Con người sống phải giữ cho phần hồn tinh sạch để mong được trở về bên Chúa. Là một tín đồ ngoan đạo, các nhà thơ Công giáo luôn ý thức điều đó: giữ phần hồn thanh sạch cho đạo, vì đạo. Nhưng khi đức tin tôn giáo đã hòa nhập trong ý thức thì chính biểu tượng *hồn* trở nên sinh động, đa dạng trong nguồn thơ. Hàn

Mặc Tử có lẽ là nhà thơ Công giáo đầu tiên đã nhiều lần đi tìm ý nghĩa của *hồn*, nhiều lần đặt ra câu hỏi về ý nghĩa và sự tồn tại của *hồn*: *Hồn là ai? Là ai? Tôi chẳng biết/ Hồn theo tôi như muốn cọt tôi chơi/... Hồn là ai? Là ai? Tôi không hay/ Dẫn hồn đi rong rã một đêm nay/ Hồn mệt mỏi mà tôi thì chết giấc* (*Hồn là ai?*). Có thể nói, *hồn* là hình tượng hóa thân của thi sĩ để cất lên tiếng nói của chủ thể trữ tình. Trong thơ Hàn Mặc Tử chúng ta thấy rõ sự gắn bó giữa *hồn* và cái tôi thi nhân; *hồn* và tôi dường như là một: *Đầy lệ, đầy hương, đầy tuyệt vọng/ Ôi! Giờ hấp hối sắp chia phôi!/ Ta trút linh hồn giữa lúc đây/ Gió sầu vô hạn thổi trong cây...* (Trút linh hồn - Hàn Mặc Tử). *Hồn* phải chăng là bầu bạn của các nhà thơ Công giáo trong nỗi cô đơn; *hồn* đi cùng để tâm sự, để thấu cạn mọi nỗi niềm của thi nhân: *Em vừa trải linh hồn anh về kiếp đi hoang/... Noel này anh nghe hồn vụn vỡ/ Thôi còn anh là tín đồ của cô đơn* (Noel này - Trần Uyên Thi)... Nhưng *hồn* còn biểu hiện cho những đau thương của người Kitô hữu trên hành trình tìm kiếm đức tin, thấu cảm nỗi đau thương của Thiên Chúa: *Ta trở lại với hồn người, đất nước/ Niềm hoan hân thăm thẳm vội lòng sầu* (Giã từ bóng tối - Nguyễn Duy Diễm), *Bóng linh hồn trọng đại phút thương đau* (Xây dựng - Nguyễn Duy Diễm),...

Trong thơ của các nhà thơ Công giáo, *hồn* còn là biểu tượng của sự sáng tạo, của khát vọng tận hiến khi đã hạnh ngộ niềm tin Thiên Chúa. Hàn

Mặc Tử nhiều lần kêu gọi, giục giã sự thoát ly của *hồn* ra ngoài thể xác đau đớn: *Hồn hãy thoát ly ra ngoài tâm tưởng/ Là hồn đừng nghĩ ngại đến hồn trong/ Cứ để mặc hồn ngoài bay lượn vờn/ Ngao du cùng khắp cõi trí mênh mông* (Hồn lìa khỏi xác). Trong đức tin, tâm hồn thi nhân hướng về Chúa, tìm đến Đức Mẹ, mong ước được nâng đỡ tâm hồn, nhưng thi nhân vẫn băn khoăn và đặt ra câu hỏi đầy khắc khoải bao giờ mới thấy được cõi bình yên thực sự cho hồn: *Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu/ Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu/ Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang* (Thánh nữ Đồng trinh Maria). Đến đây, hồn hiện diện như một mong ước cháy bỏng được cứu rỗi từ ơn thiêng Thiên Chúa. *Hồn* do đó, trở thành biểu tượng thiêng liêng, bất diệt, siêu thoát và vĩnh hằng: *Ta tô lại những khung trời nao nức/ Hồn linh thiêng vời vợi ý thiên thu* (Giã từ bóng tối - Nguyễn Duy Diễm); và hồn là niềm tín thác trung trinh của các đấng Kitô hữu vào tình yêu Thiên Chúa: *Linh hồn tôi chúc tụng ngợi ca Chúa* (Magrificat - Đỗ Minh Lý), *Gửi vào Chúa tâm hồn tín thác/ Đêm linh hồn man mác tình yêu* (Lâu đài đêm tối - Xuân Ly Băng),...

Bên cạnh biểu tượng máu và hồn, trong “vườn thơ đạo” còn có sự hiện diện của biểu tượng ánh sáng. Biểu tượng ánh sáng xuất hiện khá đa dạng trong các hình ảnh *mặt trời, trăng, sao, vì tinh tú, bình minh....* Có khi biểu tượng ánh sáng còn được mô tả trực tiếp bằng nhiều cụm từ

như: *nguồn sáng, hào quang, ánh hào quang, lớp hào quang*. Đặc biệt, các hình ảnh mô tả ánh sáng thường được gắn với các cụm từ chỉ số lượng rất lớn: *suối nguồn ánh sáng, đại dương ánh sáng, một trời ánh sáng, vô lượng, lớp hào quang, vạn thước...; gắn với các động từ mạnh: tuôn, chảy láng lai, lùa, ngập, bay, chiếu sáng, tuôn rơi,...; gắn với các tính từ chỉ màu sắc thiên sáng và mùi hương hấp dẫn: vạn thước vàng, thơm ngát, thơm hơn ngọc, lung linh,...* Trong mỹ quan và năng lực sáng tạo của các nhà thơ đạo, các nguồn ánh sáng trở thành biểu tượng của Chúa trời, của đức tin. Trong số các hình ảnh chỉ ánh sáng, *mặt trời, trăng, sao,...* xuất hiện nhiều lần hơn cả, chúng mở ra một vũ trụ khoáng đạt, thanh cao, biểu đạt một không gian sáng láng, đẹp đẽ, sống động của một cõi khác - cõi thiên đường. *Mặt trời, trăng, sao* trong thơ các nhà thơ đạo thể hiện cảnh thiên nhiên đẹp đẽ, là nguồn sáng tràn ngập, miên man, bất tận: *Gió lùa ánh sáng vô trong bãi/ Trăng ngập đầy sông, chảy láng lai* (Cô Liêu - Hàn Mặc Tử), *Ánh dương u tối phơi nền ngọc/ Mặt nguyệt lu mờ thả gió mây* (Tinh tú bay - Nguyễn Văn Ái), *Có bình minh sáng thật nhiều/ Có hiu hiu gió mỗi chiều mơn man/ Đêm thời gian không mờ đêm thánh/ Đèn Ba ngôi chiếu sáng Thần linh* (Lâu đài đêm tối - Xuân Ly Băng),... *Cả một trời Thiên ân/ Một đại dương ánh sáng* (Vào sa mạc - Xuân Ly Băng); và *Nhạc nao nức hương thiên thu tuyệt diệu/ Đây vòm trời*

thơm ngát ánh muôn sao/ Vàng tuôn rơi lấp lánh tự trời cao/ Mưa hy vọng kết triều tiên thắm thiết (Đây, giờ linh thiêng - Nguyễn Duy Diễm). Vũ Huyền Dư khẳng định Chúa là nguồn ánh sáng, soi đường chỉ lối và tưới tắm tâm hồn con người, mang đến an yên và hạnh phúc: *Chúa là sức sống của đời con/ Là nguồn ánh sáng trong đêm tối/ Là sự yên vui lúc héo mòn* (Lời thăm sau rước lễ). Hàn Mặc Tử thì khẳng định: *Đóng cửa mười phương lại/ Dồn ánh sáng vào đây* (Điềm lạ - Hàn Mặc Tử). Ở đây, ánh sáng của *trăng* không còn là thứ ánh sáng thông thường của một vật thể trong vũ trụ, mà cao hơn, đã trở thành sự sáng của tinh thần, đức tin. Đó là thứ ánh sáng vĩnh hằng, bất diệt: *Chỉ có trăng sao là bất diệt/ Cái gì khác nữa thấy trôi đi* (Thời gian - Hàn Mặc Tử), *Cổ kim ngơ ngác say đắm lạ/ Vô tận bí huyền tinh tú bay* (Tinh tú bay - Nguyễn Văn Ái),...

Trong số các hình ảnh miêu tả ánh sáng, hình ảnh *trăng* được các nhà thơ ưa sử dụng nhất. Trăng thường ám gợi một miền đất hứa vừa thanh bình, yên ả, vừa lung linh, huyền bí. Ánh trăng có khả năng chiếu rọi khắp không gian vũ trụ. Vì vậy, trăng dễ trở thành một hình ảnh đẹp, biểu trưng cho lý tưởng, cho đức tin, cho Thiên Chúa, cho Đức Mẹ, từ đây khơi gợi trí tưởng tượng và sáng tạo phong phú của các nhà thơ. *Đêm buông tơ, gió hiên xen kẽ lá/ Ngát mùi thơm, luống đất gợn mình hoa/ Ta bước đi, nhịp chân vờn bóng ngã/ Nhạc dư vang chìm đọng dưới trăng ngà/... Tay lưu*

luyến gạt trắng vàng rơi rụng/ Sáng lung linh làm ngại bước chân đi/ Lòng mừng tượng những triều năm tháng lựa/ Một mùa xuân đang đợi nở ta về... (Giã từ đêm tối - Nguyễn Duy Diễm). Trong số các nhà thơ Công giáo, Hàn Mặc Tử là người ám ảnh về *trăng* nhiều nhất. *Trăng* là sự giải thoát linh hồn của thi nhân: *Những phút sáng láng như hôm nay, soi sáng linh hồn tôi và giải thoát khỏi cái "ta" của tôi ra khỏi nơi giam cầm của xác thịt* (Chơi giữa mùa trăng). *Trăng* như đáng cứu rỗi duy nhất: *Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi/ Tôi lần cho trăng một tràng chuỗi* (Trăng vàng trăng ngọc), nên hướng tới *trăng* là hướng tới cõi tinh khiết siêu thoát: *Tôi nhập hồn tôi vào khúc hát/ Để nhờ không khí đẩy lên trăng/ Để nghe tiếng nhạc Nghe Thường rồi/ Để hóp tinh anh của Nguyệt Cầu* (Chơi trên trăng).

Có thể nói, ba biểu tượng *trăng* - *hồn* - *máu* không tồn tại độc lập mà luôn gắn kết với nhau trong mỹ quan và sáng tạo của các nhà thơ Công giáo, tạo thành một chuỗi biểu tượng đa nghĩa nhưng thống nhất. Ánh sáng, chính là sự sống cõi thiên đường, là biểu tượng của ánh sáng Chúa trời, là sự khai sáng của đức tin. Trong không gian đó, máu tuôn trào, là hiện sinh của sự sống, của nguồn thơ, của đau đớn kiếp người. Để *hồn* - một phạm trù khác mong ngóng sự giải thoát, siêu thoát ngoài đau đớn. Tất cả nâng đỡ tinh thần con người, khơi dậy khát vọng vượt thoát... Rõ ràng, *ánh sáng* - *máu* - *hồn*, những biểu tượng "tiềm ẩn đức tin" (Đặng Tiến)

không chỉ mang ý nghĩa nội tại mà đã trở thành những biểu tượng thơ sống động, đẹp đẽ.

2.2. Biểu tượng cõi thiên đường

Từ đức tin, người tín đồ Thiên Chúa tin rằng có “Nước Chúa”, đó là nơi vĩnh hằng, vĩnh cửu, như lời Chúa đã nói: *“phúc cho những ai có tâm hồn nghèo khó vì Nước Trời là của họ”* (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2006: 1849). Để khắc họa đậm nét không gian linh thiêng của Nước Chúa, các nhà thơ Công giáo thường xuyên nhắc tới hình ảnh “cõi thiên đường” như một biểu tượng thơ đa nghĩa.

Trái ngược với cõi trần nhiều chông gai, khổ đau, có khi đen tối, cõi thiên đường, trong xúc cảm tôn giáo mãnh liệt của các nhà thơ là một thế giới hào quang, sáng láng, đẹp đẽ và thơm tho: *Hào quang vây riết diêm chiêm bao/ Chúa hiện ra trong điệu nhạc nào/ Đây rẫy no nê nguồn sáng láng/ Rất nên trắng ngọc với sao vàng* (Xuân như ý - Hàn Mặc Tử); *Ôi! Thiên đàng bừng sáng gió xuân bay/ Làm tung nở những búp lòng xao xuyến/ Đòi đổi hướng, nhạc vàng đương hiển hiện/ Khói trầm dâng ngậy ngát khắp không gian/ Hồn thơ lương bưng tỉnh choáng hân hoan/ Nghe rộng mở một mùa xuân sáng láng* (Đây giờ linh thiêng - Nguyễn Duy Diễm)... Để gia tăng màu sắc lý tưởng cho cõi thiên đường, các nhà thơ thường đặt nó trong tương quan đối lập. Nếu trần gian là cõi tạm thì thiên đường là cõi vĩnh hằng: *Hoa đời tan tác cánh nhung/ Từng chiều lặng lẽ thẹn thùng*

nổi đau/ Trần gian xơ xác một màu/ Bởi vòng tục lụy ngọt ngào bùa mê... Tôi ơi đừng bước ruỗi rong/ Tin yêu về với tình nồng thiên thu (Về với tình nồng - Cao Huy Hoàng); nếu địa ngục là cõi tối mà con người phải trả giá cho những hậu quả mình gây ra thì thiên đường là cõi sáng của chân lý hạnh phúc: *Lìa hẳn thế tình! Lìa bóng tối/ Đường về rực rỡ ánh siêu nhiên* (Mở hội tao đàn - Võ Long Tê).

Nếu như đạo Phật giúp con người nắm bắt chân lý ngay chốn trần gian, ngay trong bể khổ, giúp con người tìm ra căn nguyên để hướng tới cõi Niết bàn, thì Thiên Chúa giáo hướng con chiên tìm đến chân lý, ánh sáng ở cõi thiên đường. Thiên đường là nơi phục sinh vinh quang của Thiên Chúa; nơi mà gia đình của Thiên Chúa Ba Ngôi quy tụ lại; nơi con người từ mọi giai cấp, mọi hoàn cảnh, mọi sắc tộc, mọi màu da tiếng nói đều sum họp trong hạnh phúc vĩnh cửu. Với tinh thần ấy, Nước Chúa, cõi thiên đường trở thành thế giới lý tưởng trong khát vọng hướng đến của con người, trở thành chân lý của đức tin. Thiên đường, vì thế, trong cảm quan của các nhà thơ Công giáo, vừa gần gũi, vừa hư ảo, siêu hình. Tính chất siêu hình của không gian thiên đường được thể hiện rõ rệt nhất trong thơ Hàn Mặc Tử: *Mới hay cõi siêu hình cao tột bậc/ Giữa hư vô xây dựng bởi trắng sao* (Siêu thoát). Thiên đường trong thơ Hàn Mặc Tử là thế giới của những gì thiêng liêng nhất, thơm tho nhất, cao sáng nhất, thanh khiết nhất mà nhà thơ luôn khát khao vượt thoát

để vươn đến: *Ta sống mãi với trăng sao gấm vóc/ Trong nắng thom, trong tiếng nhạc thần bay/... Ta sống mãi với muôn xuân đầm ấm/ Trong mây kinh và trong gió nguyện cầu...* (Trường thọ).

Biểu tượng cõi thiên đường, vì thế, cũng như bao biểu tượng tôn giáo khác như Chúa, Thánh giá, hồn, máu,... luôn mang ý nghĩa cứu rỗi. Có một thiên đàng trong từng lời Thánh vịnh/ Như hương trầm tỏa khắp khung trời chiều/ Quyện tâm tình chúc tụng với tin yêu/ Dâng lên Chúa như lời kinh muôn thuở/ Ta còn thấy một thiên đường rộng mở/ Khi Người đáp lại những lời nguyện xin/ Khi tình yêu Thiên Chúa đã đoái nhìn/ Ta cảm nghiệm Người vẫn luôn hiện diện (Một thoáng thiên đàng - Diệu Hương). Thi nhân tìm kiếm nơi neo đậu tâm hồn đau thương ở chốn thiên đường, mong ước được cứu rỗi, không còn đọa đầy đau khổ, thực sự được siêu thoát: *Bàn tay Cha áp yêu và dắt nhẹ/ Dẫn con vào ngõ rộng của yêu thương/ Ban cho con cảm nghiệm phúc thiên đường/ Trong những phút con tưởng chừng mình chết* (Vòng tay yêu - Huỳnh Thị Kim Hải).

Tuy nhiên, trong hình dung của các nhà thơ Đạo, cõi thiên đường cũng hết sức gần gũi. Nhà thơ Bùi Chí Vinh nhận ra rằng: *“trên lầu cao khó nhìn thấy Chúa”* (Trăng Thập Tự, 2012c: 449). Nhà thơ Đoàn Xuân Dũng lại cho thấy: *“Thiên đàng ngay trần gian đau khổ”* (Trăng Thập Tự, 2012c: 468). Ấy là khi con người vượt thoát

khỏi cái tôi cá nhân nhỏ bé, vị kỷ, thấu cảm nỗi đau khôn cùng của loài người, thực sự hòa vào cộng đồng. Con người thực sự nhận ra chân lý cuộc đời mà đức tin khai sáng, đó là lòng yêu thương, sự sẻ chia. Một nhân gian tràn ngập yêu thương, nhân ái đó chính là thiên đường. Rõ ràng, thiên đường không ở đâu xa, thiên đường nằm trong trái tim biết hướng thiện trong đức tin của con người. Có một thoáng thiên đàng ta tìm thấy/ Giữa cõi trần một miền đất tha hương/ Nơi có những hạt giống của tình thương/ Được gieo vãi vun trồng trong màu mỡ/ Có một thiên đàng làm ta ngỡ ngờ/ Trong tâm hồn khi ta sống yêu thương/... Có một thiên đàng giữa dòng đời hiu quạnh/ Khi tình người bừng sáng giữa khổ đau/ Khi tin yêu thấm đượm tiếng kinh cầu/ Ta nhìn thấy Thiên đàng trong cuộc sống/ Có một Thiên đàng luôn luôn sống động/ Thật đơn sơ nơi chính cuộc đời này/ Ta tìm được trong từng mỗi phút giây/ Ta bắt gặp trong nụ cười ánh mắt/ (Một thoáng thiên đàng - Diệu Hương).

2.3. Biểu tượng Chúa và Thánh giá

Đức tin chính là ơn mạc khải của Thiên Chúa đối với con người, cho nên, nhắc đến đức tin không thể không nhắc đến hình ảnh Chúa. Khi hình ảnh xuất hiện nhiều lần với tư cách là những thông tin thẩm mỹ trong tác phẩm văn học thì bao giờ nó cũng mang ý nghĩa biểu tượng như những hình tượng nghệ thuật có sức khái quát hóa cao. Quan sát 5 tập sách *Có một vườn thơ đạo*, chúng ta

sẽ thấy, tần suất xuất hiện của hình ảnh Chúa rất cao. Đức Thiên Chúa vốn là một biểu tượng tôn giáo biểu trưng cho sự quy hướng đức tin Công giáo của giáo dân. Đi vào thơ ca, trong cảm quan của các nhà thơ Công giáo, Chúa đã trở thành một biểu tượng nghệ thuật linh thiêng, cao cả. Trong nguồn mạch xúc cảm về đức tin dâng trào mãnh liệt, các nhà thơ đã nhấn mạnh tính hiển linh của Đức Chúa, và dĩ nhiên, đi kèm với Chúa luôn có biểu tượng Thánh giá.

Bất cứ nhà thơ mộ đạo nào cũng hơn một lần nhắc đến Chúa trong tinh thần tụng ca. Tính chất thần thánh, hiển linh của Chúa được phác họa từ mọi góc độ: từ dung mạo, trí tuệ: *Áo Người như tuyết, mặt đầy Thần uy* (Chúa hiển dung - Hoàng Diệp), *Ôi sâu thăm: sự thượng trí khôn ngoan/ Ý nhiệm mầu kỳ diệu không ai biết/ Các đường lối lạ lùng ai kể xiết/ Và tâm tư huyền bí của Chúa trời* (Một Thiên Chúa Ba Ngôi - Đỗ Minh Lý),... đến quyền năng: *Cảm ơn Ngài đã cho tôi sự sống/ Từ cõi hư không, nên vóc nên hình* (Trăng Thập Tự, 2012c: 17); cứu chuộc loài người khỏi tội lỗi, đau thương: *Ôi Thánh Chúa, Người đã ban hơi thở/ Cho xác phàm nhầy nhụa chết hôi tanh/ Đem phép mầu Người cải tử hoàn sinh/ Cho những kẻ mà thiên lương đã chết* (Đêm giáng sinh - Bàn Bá Lân); và dẫn dắt chúng sinh: *Chúa dắt con về qua mọi nẻo Calva/ Vạch đường thương yêu từ trời xuống thế/ Ngài đã cùng con sống kiếp đời dâu bể/ Thập giá vác theo Ngài, Cha vạch lối đi chung* (Dấu chấm hết -

Phạm Văn Thân);... Để nhấn mạnh sự thánh hiển, tối thượng và siêu linh, Chúa thường được mô tả gắn với các cụm từ chỉ ánh sáng rực rỡ như *vàng hào quang, ánh hào quang, trời ánh sáng, luồng ánh sáng, sáng mây ngời...*, hoặc gắn với những hình ảnh đẹp đẽ, tươi sáng: *mặt trời, vàng dương, trắng, nguyệt, sao, hoa...*; và các hành vi nghi lễ như: cúi lạy, chấp tay, ngửa trông cao cầu nguyện,... biểu tỏ thái độ cung kính của các con chiên, đồng thời khắc họa đậm nét tính thiêng liêng, thánh hiển của Đức Chúa. *Xin dâng này máu đang tươi* (Bến Hàn giang - Hàn Mặc Tử); *Lạy bà là đáng tinh tuyền thánh vẹn* (Ave Maria - Hàn Mặc Tử); *Ta chấp tay quý hoan hảo/ Ngửa trông cao, cầu nguyện trắng không gian/... Tôi van lơn, thăm nguyện Chúa Giêsu* (Đêm xuân cầu nguyện - Hàn Mặc Tử);... Hành vi tôn giáo trở thành một tín hiệu thẩm mỹ, một mã quan trọng cho hành trình khám phá, luận giải về đức tin.

Người Công giáo luôn tin rằng, Thiên Chúa vừa siêu nhiên vừa hiện hữu nội tại. Bằng một cách nào đó, Chúa luôn có mặt trong tiến trình vận hành thế giới. Vì vậy, các nhà thơ không chỉ tô đậm hình ảnh của Chúa một cách trực tiếp, mà còn cho thấy sự hiện hữu vô hình của Chúa qua hoa, lá, cỏ cây, sao, trăng, gió..., qua sự chuyển dịch và biến thiên của vạn vật, cuộc đời: *Vườn nhà những độ hoa đâm bông/ Hương ngát trời mai, sắc thắm hồng/ Trong cánh bướm vàng bay thỏ thẻ/ Hương tình mến Chúa thoảng trên không.../ Mỗi lần con*

*ngắm trời mây gió/ Lạy Chúa, làm sao
hồn đề mê/ Ôi, hình ảnh Chúa sao
sáng tỏ/ Trong núi rừng và khắp cả
sơn khê (Bài ca tình ái - Xuân Ly
Băng); Đá vàng, ai hỏi tuổi?/ Núi sông
tự bao giờ?/ Nhìn sao mỗi đêm tối/
Thân con thật bé thơ/ Rồi ra biến dịch
hết/ Biển cả thành nương dâu/ Sinh ly
và tử biệt/ Con suy nghĩ cúi đầu/ Xin
nhận con, lạy Chúa/ Vào thế giới Vĩnh
Hằng/ Thanh bình trăm muôn thuở/ Là
vương quốc Thánh tâm (Suy nghĩ cúi
đầu - Xuân Ly Băng),... Bùi Chí Vinh,
bằng cảm nghiệm sâu sắc của một
nhà thơ đạo, nhận ra rằng “Chúa
cũng có cơn đau trần thế” (Trăng
Thập Tự, 2012c: 453), nên nếu con
người thật tâm hướng thiện, biết yêu
thương và san sẻ, để nhân bản
“không bị vùi xuống lỗ”, thì khi đó, con
người sẽ nhìn thấy Chúa như một
biểu tượng của đức tin: *Có niềm tin
âm vang/ Có tình yêu nồng cháy/ Buổi
chiều nay con thấy/Lắng trong hồn/
Là tên Chúa Giêsu* (Chiều phở núi -
Vân Khanh).*

Theo thần học Kitô giáo, Chúa Giêsu
phải chịu chết trên cây thập giá để
chuộc tội cho thiên hạ, vì vậy Thánh
giá cũng được xem như biểu tượng
của “tình yêu và lòng thương xót của
Thiên Chúa” và “công nghiệp cứu
chuộc nhân loại của Chúa Giêsu”. Từ
Kinh thánh đi vào thơ ca, cây Thánh
giá luôn gợi nhắc về nỗi đau của
Thiên Chúa, cũng là nỗi đau của nhân
gian: *Tiếng Chúa làm người: “Cha nở
bỏ con sao?”/ Nghẹn ngào trên thập
giá/ Người trút hơi cuối cùng “Đất*

*rung vỡ đá”/ Con quạ - bóng dáng tử
thần hốt hoảng bay đi/ Trong khoảnh
khắc diệu kỳ/ Viên đội lý hình nhận ra
Con Thiên Chúa/ Thánh giá/ Cột lại
nơi trần gian nỗi đau ngập ngựa/ Và
những tối tăm đã tự bao đời/ Thánh
giá/ Chiếc chìa khóa nước trời/ Bỗng
chốc cửa hẹp mở ra/ Nhân loại theo
Người qua nẻo Calva/ Lăn lợt cùng
Người bước vào miền ánh sáng
(Bước vào miền ánh sáng - Phạm
Văn Thân). Thánh giá còn biểu trưng
cho đức hy sinh, cho tình yêu mà
Thiên Chúa dành cho con người: *Lẽ
đăng quang cử hành trên Thập giá/
Vương miện của Ngài đầm máu vòng
gai/ Áo cấm bào chưa kịp khoác trên
vai/ Thân đau đớn bởi roi đòn khổ
nhục!/ Tội trần gian trở thành tội hồng
phúc/ Bỏ cõi trời mặc lấy kiếp phàm
nhân/ Chúa yêu thương nối kết lại tình
thân/ Cho trời đất giao hòa ơn cứu độ*
(Vua vũ trụ - Lệ Hương). Bài thơ còn
cho thấy ý nghĩa tương giao của biểu
tượng Thánh giá qua sự nối liền giữa
thanh chiều đứng và thanh chiều
ngang của cây thập giá, thể hiện sự
gắn kết con người với Thiên Chúa và
giữa con người đến với nhau.*

Thánh giá cũng là biểu tượng của nỗi
khổ đau. Nguyên vác Thánh giá
chính là chấp nhận khổ đau để theo
Chúa, đó cũng là điều kiện thử thách
của đức tin Thiên Chúa: *Con nhìn lên
chóp đỉnh Calva/ Xác Đức Chúa Trời
treo mình giá lạnh/ “Thánh, thánh,
thánh/ Chúa là Thiên Chúa”/ Vẫn
chịu muôn khổ hạnh/ Kiếp nhân trần
con đâu dễ vượt qua!* (Dấu chấm hết -

Phạm Văn Thân). Theo *Kinh thánh*, sau khi trút hơi thở trên Thánh giá, Chúa đã lên Nước Trời, Ngài đã phục sinh vinh hiển. Vì vậy, đạo Kitô giáo chọn Thánh giá làm biểu tượng cho đức tin về sự giải thoát và cứu độ. Đối với niềm tin Kitô giáo, đạo Công giáo, Thánh giá không còn là cái chết và hình phạt nữa, Thánh giá trở thành con đường hy vọng dẫn loài người đến với ơn cứu độ của Thiên Chúa. Ngài đã biến đổi đau thương thành niềm hy vọng sự sống: *Thông nguồn ơn cứu độ/ Thánh giá Chúa Kitô/ Tín hữu được in dấu/ Muôn năm chẳng nhạt mờ* (Suy tôn Thánh giá - Thế Kiên); *Hãy nhìn lên đỉnh tháp giáo đường/ Thánh giá vươn cao giữa trời trong/ Tiếng chuông vang dội đang mời gọi/ Hồn ta lắng dịu khỏi sầu vương* (Thánh giá là gì? - Đình Quân). Và Thánh giá là những cọc tiêu trên con đường dẫn đến bến bờ hạnh phúc miên viễn, vĩnh hằng: *Đường thập giá là con đường uốn khúc/ Có chông gai mới*

hạnh phúc thiên thu (Cây Thập tự - Hoài Mong).

3. KẾT LUẬN

Các hình ảnh biểu tượng trong thơ Công giáo có ý nghĩa quan trọng giúp các nhà thơ khái quát về hiện thực cuộc sống và thế giới tâm linh phong phú của con người. Có thể thấy, mạch cảm xúc mãnh liệt về đức tin đã chi phối mạnh mẽ đến nhiều phương thức biểu đạt của thơ ca, từ việc lựa chọn ngôn ngữ, giọng điệu đến cách thức xây dựng các biểu tượng thơ. Các nhà thơ Công giáo một mặt tập trung khai thác các biểu tượng tôn giáo đa nghĩa như máu, hồn, ánh sáng, mặt khác nhấn mạnh tính thánh hiển của biểu tượng Chúa, biểu tượng Thánh giá và khắc họa không gian linh thiêng của nước Chúa qua biểu tượng cõi thiên đường. Có thể nói, các nhà thơ đã xây dựng một thế giới thơ sống động với nhiều biểu tượng tôn giáo lung linh đa nghĩa, thấu đạt mọi lẽ nhân gian, tạo nên vẻ đẹp riêng độc đáo của thơ Công giáo. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hội đồng Giám mục Việt Nam. 2006. *Kinh thánh Cựu ước và Tân ước - lời Chúa cho mọi người*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
2. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên). 2007. *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.
3. Nguyễn Toàn Thắng. 2007. *Hàn Mặc Tử và nhóm thơ Bình Định*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
4. Trần Hoài Anh. 2009. "Khuyh hướng phê bình chịu ảnh hưởng tôn giáo ở đô thị miền Nam 1954 -1975". *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 11, <http://www.vienvanhoc.org.vn>.
5. Trăng Thập Tự (chủ biên). 2012a. *Có một vườn thơ đạo*, tập 1. TPHCM: Nxb. Phương Đông.
6. Trăng Thập Tự (chủ biên). 2012b. *Có một vườn thơ đạo*, tập 2. TPHCM: Nxb. Phương Đông.

7. Trắng Thập Tự (chủ biên). 2012c. *Có một vườn thơ đạo*, tập 3. TP HCM: Nxb. Phương Đông.
8. Trắng Thập Tự (chủ biên). 2012d. *Có một vườn thơ đạo*, tập 4. TP HCM: Nxb. Phương Đông.
9. Trắng Thập Tự (chủ biên). 2015. *Có một vườn thơ đạo*, tập 5. TP HCM: Nxb. Hồng Đức.
10. Từ Sơn (giới thiệu và tuyển chọn). 2008. *Hoài Thanh bình thơ và nói chuyện thơ*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.